

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

**Báo cáo tài chính Quý II/2016 tại
ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

**Báo cáo tài chính Quý II/2016 tại
ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 8 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 5 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp
Ông Nguyễn Thanh Hoàn

Chủ tịch
Thành viên
(đến ngày 4 tháng 2 năm 2016)

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hữu Ngọc
Ông Nguyễn Thành Phương

Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 3 tháng 2 năm 2016)

Bà Đồng Thị Lan

Thành viên
(từ ngày 25 tháng 3 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 336, Đường Hoàng Liên
Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính Quý II/2016 đính kèm của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính Quý II/2016 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý II/2016. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính Quý II/2016 được trình bày từ trang 3 đến trang 19 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính Quý II/2016 đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 

Ung Hồng Vận
Tổng Giám đốc
Thành phố Lào Cai, Ngày 18 tháng 07 năm 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/03 /2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		152.734.735.436	118.395.732.422
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	69.814.108.201	52.557.413.604
Tiền	111		19.814.108.201	2.557.413.604
Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.435.937.720	53.382.738.031
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	51.280.469.385	39.669.322.421
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.043.625.132	5.596.501.269
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	9.111.843.203	8.116.914.341
Hàng tồn kho	140	7	14.343.677.458	12.455.580.787
Hàng tồn kho	141		14.343.677.458	12,455,580,787
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.141.012.057	
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.075.827.356	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	65.184.701	
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.895.079.087.125	1.908.086.408.061
Tài sản cố định	220		1.880.004.384.444	1.895.407206906
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.871.713.079.313	1.887.115.901.775
Nguyên giá	222		1.975.956.285.424	1.974.089.893.197
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.243.206.111)	(86.973.991.422)
Tài sản cố định vô hình	227	9	8.291.305.131	8.291.305.131
Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.291.305.131
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.119.095.475	10.744.315.849
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	3.119.095.475	10.744.315.849
Tài sản dài hạn khác	260		11.955.607.206	1.934.885.306
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	11.955.607.206	1.934.885.306
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.047.813.822.561	2.026.482.140.483

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/03 /2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.574.512.122.218	1.534.079.651.894
Nợ ngắn hạn	310		239.789.044.637	125.941.039.312
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	27.204.910.901	41.294.248.776
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	7.096.987.460	6.073.443.875
Phải trả người lao động	314		2.289.312.955	906.844.483
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	17.544.468.888	21.236.682.711
Phải trả ngắn hạn khác	319		23.114.086.742	5.104.706.081
Vay ngắn hạn	320		161.213.650.000	49.291.435.695
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.325.627.691	2.033.677.691
Nợ dài hạn	330		1.334.723.077.581	1.408.138.612.582
Phải trả dài hạn khác	337		203.000.000	203.000.000
Vay dài hạn	338		1.334.520.077.581	1.407.935.612.582
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		473.301.700.343	492.402.488.589
Vốn chủ sở hữu	410		473.301.700.343	492.402.488.589
Vốn cổ phần	411		415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.362.742.710	66.463.530.956
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.837.625.468	66.367.276.231
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.525.117.242	96.254.725
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.047.813.822.561	2.026.482.140.483

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ung Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo lưu Kết quả kinh doanh Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
Doanh thu bán hàng	01		102.481.873.237	82.861.729.802	168.309.538.071	135.107.780.581
Giá vốn hàng bán	11		32.592.846.655	37.064.537.585	58.548.196.955	50.568.573.703
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		69.889.026.582	45.797.192.217	109.761.341.116	84.539.206.878
Doanh thu hoạt động tài chính	21		297.638.696	8.915.037.352	384.738.739	9.010.286.203
Chi phí tài chính	22		41.978.856.912	44.003.922.037	78.121.012.517	82.569.831.419
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.330.925.405	38.748.343.615	72.771.611.486	71.983.194.531
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.842.532.422	9.806.249.723	9.566.967.594	9.806.249.723
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		22.365.275.944	902.057.809	22.458.099.744	1.173.411.939
Thu nhập khác	31		63.877.385		67.308.310	-
Chi phí khác	32		290.812	17.458.640	290.812	26.958.640
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		63.586.573	(17.458.640)	67.017.498	(26.958.640)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.428.862.517	884.599.169	22.525.117.242	1.146.453.299
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			57.607.909	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		22.428.862.517	942.207.078	22.525.117.242	1.146.453.299
Lãi trên cổ phiếu					542	28
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập:

Lâm Thị Hà

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh



Ung Hồng Vận

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2016 VND	30/06/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		22.525.117.242	1.146.453.299
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.450.221.810	34.525.039.577
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(125.284.968)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(111.464.457)	(380.028.647)
Chi phí lãi vay	06		72.771.611.486	71.983.194.531
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		129.510.201.113	107.274.658.760
Biến động các khoản phải thu	09		(16.239.668.627)	61.699.229.921
Biến động hàng tồn kho	10		(4.629.743.391)	(5.926.674.815)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(35.000.688.393)	(27.847.319.927)
Biến động chi phí trả trước	12		(12.459.983.021)	(1.324.155.794)
			61.180.117.681	133.875.738.145
Tiền lãi vay đã trả	14		(72.839.092.271)	(84.737.264.834)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(20.562.869)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.834.742.563)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.493.717.153)	49.117.910.442
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(1.866.392.227)	(42.809.666.718)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		111.464.457	380.028.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.754.927.770)	(42.429.638.071)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	30/06/2015
		VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	120.186.384.103	45.215.139.456
Tiền trả nợ gốc vay	34	(66.615.269.104)	(58.679.292.000)
Tiền trả cổ tức	36	(40.046.908.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.524.206.499	(13.464.152.544)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.724.438.424)	(6.775.880.173)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4	71.538.546.625
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	69.814.108.201
			10.102.525.787

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ung Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 99 nhân viên (31/03 /2016: 98 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và khác khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ báo gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	31/03/2016 VND
Tiền mặt	1.822.584.701	101.832.344
Tiền gửi ngân hàng	17.991.523.500	2.455.581.260
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	50.000.000.000
	<u>69.814.108.201</u>	<u>52.557.413.604</u>

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 30 tháng 6 năm 2016 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	31/03 /2016 VND
Phải thu người lao động	9.991.353	9,991,353
Các khoản chi hộ	1.436.426.596	-
Tạm ứng	6.515.517.686	-
Ký cược, ký quỹ	250.972.714	-
Phải thu khác	898.934.854	8,106,922,988
	<u>9.111.843.203</u>	<u>8,116,914,341</u>

7. Hàng tồn kho

	30/6/2016		31/03 /2016
Giá gốc		Dự phòng	
VND	VND	VND	VND

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	30/6/2016		31/03 /2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	735.818.343	-	498,317,422	-
Công cụ và dụng cụ	13.607.859.115	-	11,957,263,365	-
	14.343.677.458	-	12,455,580,787	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.407.830.000.000	66.050.958	562.519.611.934	3.674.230.305	1.974.089.893.197
Tăng trong kỳ	-	-	36.500.000	1.829.892.227	1.866.392.227
Số dư cuối kỳ	1.407.830.000.000	66.050.958	562.556.111.934	5.504.122.532	1.975.956.285.424
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	40.224.285.714	66.050.958	28.352.570.157	1.150.077.472	69.792.984.301
Khấu hao trong kỳ	20.112.142.857	-	14.038.457.900	299.621.053	34.450.221.810
Số dư cuối kỳ	60.336.428.571	66.050.958	42.391.028.057	1.449.698.525	104.243.206.111
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.367.605.714.286	-	534.167.041.777	2.524.152.833	1.904.296.908.896
Số dư cuối kỳ	1.347.493.571.429	-	520.165.083.877	4.054.424.007	1.871.713.079.313

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016 có nguyên giá là 721 triệu VND.

Tại 30 tháng 6 năm 2016 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thể chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh Error! Reference source not found.).

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại Đường Thủy Hoa, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/03/2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	10.744.315.849	10.681.315.849
Tăng trong kỳ/năm	-	1.934.789.483
Xóa sổ	(7.625.220.374)	(1.871.789.483)
Số dư cuối kỳ/năm	3.119.095.475	10.744.315.849

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án. Giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát sẽ được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, các hồ sơ quyết toán vẫn chưa được hoàn thiện.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/6/2016 VND	31/03/2016 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	-	7.625.220.374
Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	2.391.822.749	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	36.363.636	36.363.636
Dự án suối Chăn	690.909.090	690.909.090
	3.119.095.475	10.744.315.849

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2016		31/03/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	5.451.711.016	5.451.711.016	12.314.837.833	12.314.837.833
Công ty TNHH Tư nhân Andritz Hydro	7.053.629.847	7.053.629.847	11.005.104.209	11.005.104.209
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Thủy điện tỉnh Triết Giang	6.736.845.205	6.736.845.205	11.337.471.496	11.337.471.496
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	877.588.625	877.588.625	879.933.310	879.933.310
Các nhà cung cấp khác	7.085.136.208	7.085.136.208	5.756.901.928	5.756.901.928
	27.204.910.901	27.204.910.901	41.294.248.776	41.294.248.776

12. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	31/03 /2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.933.602.200	6.851.688.961	(7.675.435.940)	1.109.855.221
Thuế nhà thầu	373.200.881	34.410.331	(550.292.313)	854.781.173
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	(10.326.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.153.977)	-	-	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	728.042.330	390.766.997	(765.312.125)	(19.704.679)
Thuế tài nguyên	2.459.817.093	6.704.721.072	(4.032.187.099)	5.132.351.066
	6.073.443.875	13.981.586.361	(13.023.227.477)	7.031.802.759

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	31/03 /2016 VND
Lãi vay phải trả	12.893.617.446	
Chi phí phải trả cho tài sản cố định hữu hình	4.650.851.442	21.236.682.711
	17.544.468.888	21.236.682.711

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	31/03 /2016 VND
Kinh phí công đoàn	129.242.205	136.120.205
Bảo hiểm xã hội	61.298.712	105.746.584
Bảo hiểm y tế	10.216.446	15.324.678
Bảo hiểm thất nghiệp	3.405.484	6.810.968
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.909.923.895	4.840.703.646
	23.114.086.742	5.104.706.081

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2016 VND	31/03 /2016 VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	203.000.000	203.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.146.453.299	1.146.453.299
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(8.628.956.068)	-	(8.628.956.068)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	-	2.884.843.391	428.823.801.024
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	69.527.646.485	495.466.604.118
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	22.525.117.242	22.525.117.242
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.160.370.254)	(3.160.370.254)
Cò tức (Thuyết minh Error! Reference source not found.)	-	-	-	(41.529.650.763)	(41.529.650.763)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	47.362.742.710	473.301.700.343

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2016 VND	31/03/2016 VND
Chi phí lãi vay	72.771.611.486	33.440.686.081
Chi phí tài chính khác	5.349.401.031	2.701.469.524
	78.121.012.517	36.142.155.605

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2016 VND	31/03/2016 VND
Chi phí nhân công	4.793.617.787	1.554.358.402
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	237.091.455	42.884.000
Chi phí khấu hao	310.221.810	662.179.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.276.233	368.374.150
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.704.760.309	1.055.063.080
	9.566.967.594	3.724.435.172

Người lập:



Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Ung Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này